

Bản án số: 208/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 10 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Sóng

Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 534/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về ly hôn tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 và Quyết hoãn phiên tòa số 184/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Minh T; địa chỉ: Tổ a, Khu b, phường CB, thành phố LH, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị Y; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Tổ a, Khu b, phường CB, thành phố LH, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ nơi ở hiện nay: Thôn 1, xã HT, huyện NT, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Lê Minh T và bà Vũ Thị Y xây dựng hạnh phúc với nhau vào năm 1995, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ hỏi cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CB, thành phố LH, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thờ ơ, lạnh nhạt và không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn căng thẳng và vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Ông Lê Minh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn bà Vũ Thị Y. Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Minh T1, sinh năm 1995, Lê Minh T2, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2004 và Lê Vũ Minh N, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2012. Con tên Lê Minh T1 đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị giải quyết. Con tên Lê Vũ Minh N không phải là con chung của ông và bà Vũ Thị Y. Khi ly hôn ông Lê Minh T xin được nuôi con tên Lê Minh T2, bà Vũ Thị Y nuôi con tên Lê Vũ Minh N. Về tài sản chung, ông Lê Minh T không nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến và đề nghị của bị đơn: Đồng ý với trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp và vợ chồng ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay ông Lê Minh T xin ly hôn bà Vũ Thị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn, bà Vũ Thị Y chỉ đồng ý ly hôn nếu ông Lê Minh T trả cho bà Vũ Thị Y 250.000.000 đồng. Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của ông Lê Minh T về con chung, ngày tháng năm sinh của con chung. Khi ly hôn, bà Vũ Thị Y nhận nuôi con tên Lê Vũ Minh N, để ông Lê Minh T nuôi con tên Lê Minh T2. Về cấp dưỡng cho con, không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là căn nhà ba tầng mặt đường Cái Dăm, khi ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết, để nguyên hiện trạng như hiện nay. Tại phiên tòa bà Vũ Thị Y trình bày việc giải quyết tài sản tốn kém và bà không có kinh phí nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản. Nhưng bà yêu cầu ông Lê Minh T phải giải quyết về tài sản và thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà, bà mới đồng ý ly hôn.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho ly hôn. Về con chung, chấp nhận thỏa thuận của các đương sự về con chung. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết; bị đơn đưa ra yêu cầu không rõ ràng nên không xem xét giải quyết mà tách phần giải quyết tài sản chung thành vụ việc khác khi đương sự có đơn yêu cầu. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Bản tự khai của đương sự; bản sao sổ hộ khẩu; bản sao giấy khai sinh của con; tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương xác định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đăng ký thường trú tại Tổ a, Khu b, phường CB, thành phố LH, tỉnh Quảng Ninh, nhưng thực tế hiện nay bị đơn không sinh sống tại địa chỉ trên mà bị đơn cư trú tại thôn 2, xã HT, huyện NT, thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã ra Quyết định chuyển vụ án số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giải quyết, áp dụng Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Minh T và bà Vũ Thị Y được xác lập vào năm 1995 là hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thu thập được, lời khai thừa nhận của các đương sự thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp và vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Nay ông Lê Minh T xin ly hôn, bà Vũ Thị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của ông Lê Minh T, giải quyết cho ly hôn là phù hợp Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Căn cứ Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình xác định con tên Lê Vũ Minh N, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2012 là con chung của vợ chồng. Ông Lê Minh T và bà Vũ Thị Y có ba con chung là: Lê Minh T1, sinh năm 1995; Lê Minh T2, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2004 và Lê Vũ Minh N, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2012. Con tên Lê Minh T1 đã thành niên và có khả năng lao động. Khi ly hôn ông Lê Minh T và bà Vũ Thị Y thống nhất thỏa thuận ông Lê Minh T nuôi con tên Lê Minh T2, bà Vũ Thị Y nuôi con tên Lê Vũ Minh N. Thỏa thuận phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Về cấp dưỡng cho con, không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn là ông Lê Minh T không có yêu cầu giải quyết về tài sản. Trước khi mở phiên tòa bà Vũ Thị Y không đề nghị Tòa án giải quyết, để nguyên hiện trạng như hiện nay. Tại phiên tòa bà Vũ Thị Y yêu cầu ông Lê Minh T phải giải quyết về tài sản và thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà, bà mới đồng ý ly hôn. Đây là trình bày của đương sự nên Hội đồng xét xử tách phần giải quyết về tài sản chung giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Lê Minh T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí. Trả lại cho ông Lê Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Ông Lê Minh T được ly hôn bà Vũ Thị Y.

2. Về con chung: Giao cho ông Lê Minh T nuôi con tên Lê Minh T2, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2004, bà Vũ Thị Y nuôi con tên Lê Vũ Minh N, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2012.

Việc nuôi con được thực hiện cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Minh T. Trả lại cho ông Lê Minh T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001061 ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;
- Dương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Sơn